TRƯỜNG THCS NGUYỄN HỒNG ĐÀO

TỔ NGỮ VĂN

NỘI DUNG CẦN HỌC VÀ LUYỆN TẬP

MÔN NGỮVĂN 8 TRONG THỜI GIAN NGHỈ

(từ 16/3 – 5/4/2020)

PHẦN 1: YÊU CẦU1. Ôn tập kiến thức cũ- Học sinh ôn lại kiến thức các văn bản đã học ở HK1. Học sinh ***nắm được nội dung và nghệ thuật*** của các văn bản để vận dụng viết đoạn văn.

***a. Truyện kí Việt Nam: Cần nắm được tác giả, xuất xứ văn bản, tóm tắt văn bản, nội dung, nghệ thuật, cảm nhận được về nhân vật, vận dụng làm bài văn tự sự hoặc thuyết minh về tác giả- tác phẩm. Gồm 4 văn bản:***

1. Tôi đi học (Thanh Tịnh)

2. Trong lòng mẹ (Nguyên Hồng)

3. Lão Hạc (Nam Cao)

4. Tức nước vỡ bờ (“Tắt đèn” - Ngô Tất Tố)

**b. Văn học nước ngoài: *Cần nắm được tác giả, xuất xứ văn bản, tóm tắt văn bản, nội dung, nghệ thuật, cảm nhận được về nhân vật. Gồm* 4 văn bản:**

1. Cô bé bán diêm (An-đec-xen)

2. Đánh nhau với cối xay gió (trích “***Đôn-Ki-hô-tê***” của Xéc-van-tét)

3. Chiếc lá cuối cùng (O Hen-ri)

4. Hai cây phong (trích “***Người thầy đầu tiên”*** – Ai-ma-tốp)

**c. Văn bản nhật dụng: *Cần học nội dung ý nghĩa, áp dụng viết đoạn văn vận dụng liên hệ thực tế cuộc sống bản thân và viết bài văn nghị luận xã hội. Gồm* 3 văn bản:**

1. Thông tin về ngày Trái Đất năm 2000

2. Ôn dịch, thuốc lá

3. Bài toán dân số

**d. Thơ Việt Nam đầu thế kỉ XX: *Cần nắm được tác giả, thể thơ, thuộc thơ, nội dung, nghệ thuật, phân tích được những câu thơ, khổ thơ đặc sắc. Gồm* 4 bài thơ:**

1. Vào nhà ngục Quảng Đông cảm tác (Phan Bội Châu)

2. Đập đá ở Côn Lôn (Phan Châu Trinh)

3. Muốn làm thằng Cuội (Tản Đà)

4. Hai chữ nước nhà (Trần Tuấn Khải)

- Học sinh ôn lại kiến thức Tiếng Việt đã học ở HK1, đặc điểm, công dụng. cách nhận biết, và vận dụng trong viết đoạn văn. Gồm:

1. Các loại từ: trợ từ, thán từ, tình thái từ
2. Câu ghép.
3. Dấu câu: dấu ngoặc đơn, dấu ngoặc kép, dấu hai chấm

- Học sinh ôn lại dàn ý văn nghị luận xã hội.

2. Luyện tập

- Hoàn thành 5 đề luyện tập (đề 1 ->5 ) tổng hợp bên dưới vào tập bài tập.

PHẦN 2 Kiến thức mới

HS ghi vào vở BÀI HỌC những nội dung sau đây:

TUẦN 24

Tiết 85 Văn bản NGẮM TRĂNG – ĐI ĐƯỜNG

1. Văn bản NGẮM TRĂNG
2. Tìm hiểu chú thích
3. Tác giả: Hồ Chí Minh
4. Tác phẩm:
5. Xuất xứ: Trích tập thơ “Nhật kí trong tù”.
6. Hoàn cảnh sáng tác: Trong thời gian bị bắt giam ở Trung Quốc (tháng 8/1942 – tháng 9/1943).
7. Thể thơ: Thất ngôn tứ tuyệt.
8. Tìm hiểu văn bản
9. Hai câu đầu

Ngục trung *vô* tửu diệc *vô* hoa

Đối thử lương tiêu *nại nhược hà*?

* Điệp ngữ: vô + câu nghi vấn
* Tình cảm yêu thiên nhiên của Bác, rung động mãnh liệt trước cảnh đêm trăng đẹp dù đang chịu cảnh tù đày.

1. Hai câu cuối

*Nhân hướng* song tiền *khán minh nguyệt*

*Nguyệt tòng* song khích *khán thi gia*

* Phép đối, nhân hóa
* Sự giao hòa, gắn bó giữa người với trăng, thể hiện tình bạn tri âm, tri kỉ giữa trăng với người.
* Phong thái ung dung, tự do, bản lĩnh phi thường của người chiến sĩ cách mạng.

1. Ghi nhớ/ 38 SGK
2. Văn bản ĐI ĐƯỜNG
3. Tìm hiểu chú thích
4. Tác giả: Hồ Chí Minh
5. Tác phẩm:
6. Xuất xứ: Trích tập thơ “Nhật kí trong tù”.
7. Hoàn cảnh sáng tác: Trong thời gian bị bắt giam ở Trung Quốc (tháng 8/1942 – tháng 9/1943).
8. Thể thơ: Thất ngôn tứ tuyệt.
9. Tìm hiểu văn bản
10. Hai câu đầu

*Tẩu lộ* tài tri *tẩu lộ* nan

*Trùng san* chi ngoại hựu *trùng san*

* Điệp ngữ, giọng thơ mang chất triết lí
* Nổi bật sự gian nan, khó khăn vất vả chồng chất của việc đi đường.

1. Hai câu cuối

*Trùng san* đăng đáo cao phong hậu

Vạn lí dư đồ cố miện gian.

* Ẩn dụ, giọng điệu tự nhiên, tứ thơ thay đổi đột ngột
* Con người khi vượt qua những gian nan thử thách có thể đượchưởng thành quả tốt đẹp.
* Qua việc đi đường núi, tác giả khái quát về chân lí trong cuộc đời.

1. Ghi nhớ/ 40 SGK

Tuần 24 – Tiết 86

Tiếng Việt CÂU CẢM THÁN

1. Đặc điểm hình thức và chức năng
2. Ví dụ / 43 SGK
3. *Hỡi ơi,* lão Hạc! -> bộc lộ cảm xúc
4. *Than ôi!*  -> bộc lộ cảm xúc

* Đặc điểm: có từ cảm thán + dấu chấm than cuối câu.

Chức năng: bộc lộ cảm xúc trực tiếp của người nói, người viết.

1. Ghi nhớ/ 44 SGK
2. Luyện tập

(HS làm luyện tập trong SGK vào tập bài tập).

Tuần 25 - Tiết 87

Tiếng Việt CÂU TRẦN THUẬT

1. Đặc điểm hình thức và chức năng
2. Ví dụ / 45, 46 SGK
3. Câu 1 + 2: Trình bày suy nghĩ của người viết về truyền thống của dân tộc ta.

Câu 3: Nhắc nhở trách nhiệm của chúng ta hôm nay.

1. Câu 1: kể và tả

Câu 2: thông báo

1. Miêu tả ngoại hình Cai Tứ
2. Câu 2: Nhận định, đánh giá.

Câu 3: Bộc lộ cảm xúc

* Đặc điểm: không có đặc điểm hình thức của câu nghi vấn, câu cầu khiến, câu cảm thán. Có thể kết thúc bằng dấu chấm, hoặc chấm than, chấm lửng.

Chức năng: kể, tả, thông báo, nhận định, đánh giá, yêu cầu, bộc lộ cảm xúc…

1. Ghi nhớ/ 46 SGK
2. Luyện tập

(HS làm luyện tập trong SGK vào tập bài tập).

TUẦN 25

Tiết 88 Văn bản CHIẾU DỜI ĐÔ

1. Tìm hiểu chú thích
2. Tác giả: Lí Công Uẩn
3. Tác phẩm:
4. Hoàn cảnh ra đời: Năm 2010, Lí Công Uẩn viết bài chiếu bày tỏ ý định dời đô từ Hoa Lư ra thành Đại La.
5. Thể loại: Chiếu (SGK)
6. Tìm hiểu văn bản
7. Lí do phải dời đô

* Mục đích: mưu toan nghiệp lớn, xây dựng vương triều phồn thịnh.
* Tính kế lâu dài cho các thế hệ sau.
* Thuận theo mệnh trời, ý dân.
* Lí lẽ, chứng cứ rõ ràng, thuyết phục, chặt chẽ.
* Dời đô là việc tất yếu để giúp đất nước phát triển.

1. Thành Đại La là nơi tốt nhất để định đô

* Vị trí địa lí: Nơi trung tâm đất trời, mở ra 4 hướng, có núi có sông, đất rộng, phẳng, cao, thoáng.
* Về kinh tế, chính trị, văn hóa: Đầu mối giao lưu, mảnh đất hưng thịnh. -> kinh đô bậc nhất của đế vương muôn đời.
* Luận điểm, luận cứ chặt chẽ, thuyết phục, rõ ràng.
* Thành Đại La có đủ mọi điều kiện trở thành kinh đô mới của Đại Việt.=> Khát vọng thống nhất đất nước làm đất nước trở nên hùng mạnh phát triển lâu dài

1. Kết thúc

“Trẫm muốn dựa vào… Các khanh nghĩ thế nào?”

* Câu nghi vấn.
* Thái độ tôn trọng đối với nhân dân.

1. Ghi nhớ/ 51 SGK

Tuần 25 – Tiết 89

Tiếng Việt CÂU PHỦ ĐINH

1. Đặc điểm hình thức và chức năng
2. Ví dụ / 52 SGK

a.Nam *không* đi Huế.

b. Nam *chưa* đi Huế

c. Nam *chẳng* đi Huế

*d. Không phải*, nó chần chẫn như cái đòn càn.

*e. Đâu có.*

* Đặc điểm: có từ phủ định.

Chức năng: + Thông báo, xác nhận không có sự vật, tính chất, quan hệ nào đó. ( vd a,b,c)

+ Phản bác 1 ý kiến, 1 nhận định. (vd d, e)

1. Ghi nhớ/ 44 SGK
2. Luyện tập

(HS làm luyện tập trong SGK vào tập bài tập).

Tuần 25 – Tiết 90

Tập làm văn CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA PHƯƠNG PHẦN TẬP LÀM VĂN

Đề: Giới thiệu di tích, thắng cảnh địa phương. (Ngã Ba Giồng, địa đạo Củ Chi, Bến Nhà Rồng…)

Dàn ý

1. Mở bài: Giới thiệu di tích thắng cảnh
2. Thân bài: Thuyết minh về di tích, thắng cảnh
3. Lịch sử hình thành
4. Vị trí
5. Miêu tả địa danh
6. Nhận định đánh giá về di tích.

III. Kết bài: Cảm nhận của em về di tích, thắng cảnh

TUẦN 26

Tiết 91, 92 Văn bản HỊCH TƯỚNG SĨ

1. Tìm hiểu chú thích
2. Tác giả:Trần Quốc Tuấn
3. Tác phẩm:
4. Hoàn cảnh ra đời: Trước cuộc kháng chiến Mông – Nguyên lần 2 (1285)
5. Thể loại: Hịch (SGK)
6. Tìm hiểu văn bản
7. Nêu gương sử sách

* Kỉ Tín, Do Vu, Dự Nhượng …
* Vương Công Kiên, Nguyễn Văn Lập, Cốt Đãi Ngột Lang…
* Những trung thần nghĩa sĩ bỏ mình vì nước
* Liệt kê
* Gợi suy nghĩ, khích lệ ý chí lập công danh, lòng tự hào dân tộc.

1. Tố cáo tội ác của giặc
2. Tội ác của giặc

* Sứ giặc đi lại nghênh ngang ngoài đường.
* Uốn lưỡi cú diều sỉ mắng triều đình.
* Đem thân dê chó bắt nạt tể phụ.
* Liệt kê, ẩn dụ.
* Làm rõ tội ác của giặc, khơi gợi lòng căm thù giặc của quân sĩ.

1. Tâm trạng của tác giả

* Quên ăn, mất ngủ, ruột đau như cắt, ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa…
* Căm tức sao không xả thịt lột da, nuốt gan, uống máu quân thù.
* Nói quá
* Tinh thần yêu nước, căm thù giặc sâu sắc.

1. Phân tích phải trái, đúng sai
2. Phê phán những biểu hiện sai trái

-Vui chọi gà, đánh bạc, ham săn bắn, thích rượu ngon, mê tiếng hát…

-> Gây hậu quả khôn lường.

-> Nói thẳng, mỉa mai, chế giễu.

=> Phê phán nghiêm khắc hành vi hưởng lạc, thái độ bàng quan trước vận mệnh đất nước.

1. Chỉ ra những việc cần làm

* Huấn luyện quân sĩ, tập dượt cung tên...
* So sanh, tương phản, điệp ngữ, tăng tiến.
* Khích lệ lòng trung quân, ái quốc, ân nghĩa thủy chung khi phân tich rõ đúng sai, phải trái.

1. Lời kêu gọi

* Theo lời dạy bảo của ta mới phải đạo thần chủ.
* Trái lời dạy bảo của ta tức là kẻ nghịch thù.

-> Lời lẽ dứt khoát.

=> Động viên ý chí và quyết tâm chiến đấu của quân sĩ

1. Ghi nhớ/61 SGK

Tuần 26 Tiết 93

Tiếng Việt HÀNH ĐỘNG NÓI

#### **Hành động nói là gì?**

1. **Ví dụ/ 62 SGK**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Mục đích** | **Thực hiện** |
| -Thôi, bây giờ em hãy trốn ngay đi. | muốn Thạch Sanh đi nơi khác. | Bằng lời nói |

* Hành động nói: Hành động thực hiện bằng lời nói nhằm mục đích nhất định.

1. **Ghi nhớ**
2. **Một số kiểu hành động nói thường gặp**
3. **Ví dụ**
4. VD/62 SGK

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Mục đích** | **KIỂU HĐN** |
| - Con trăn ấy là của vua nuôi đã lâu. | Trình bày | Trình bày |
| Nay em giết nó tất không thoát khỏi tội chết. | Đe dọa | Đe dọa |
| Thôi, bây giờ nhân trời chưa sáng, em hãy trốn ngay đi. | Yêu cầu | Yêu cầu |
| Có chuyện gì để anh ở nhà lo liệu. | Hứa hẹn | Hứa hẹn |

1. VD/63 SGK

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Mục đích** | **KIỂU HĐN** |
| Vậy thì bữa sau con ăn ở đâu? | Hỏi | Hỏi |
| Con sẽ ăn ở nhà cụ Nghị thôn Đoài. | Thông báo | Thông báo |
| U nhất định bán con đấy ư? | Hỏi | Hỏi |
| U không cho con ở nhà nữa ư?? | Hứa hẹn | Hứa hẹn |
| Khốn nạn thân con thế này! | Bộc lộ cảm xúc | Bộc lộ cảm xúc |
| Trời ơi! | Bộc lộ cảm xúc | Bộc lộ cảm xúc |

* Xác định kiểu hành động nói dựa vào mục đích nói.

1. Ghi nhớ/ 63 SGK
2. **Luyện tập**

(HS làm luyện tập trong SGK vào tập bài tập).

Tuần 27

Tiết 94 NƯỚC ĐẠI VIỆT TA

(TRÍCH “BÌNH NGÔ ĐẠI CÁO”)

I . Tìm hiểu chú thích

1. Tác giả: Nguyễn Trãi
2. Tác phẩm:
3. Hoàn cảnh sáng tác: Được viết sau khi kháng chiến chống Minh thắng lợi (1428).
4. Thể loại: Cáo/ 67 SGK.
5. Vị trí đoạn trích: Trích phần đầu “Bình Ngô đại cáo”.
6. Tìm hiểu văn bản
7. Nguyên lí nhân nghĩa

* Yên dân
* Trừ bạo
* Triết lí nhân nghĩa dựa trên việc lấy dân làm gốc, lo cho dân, vì dân.

1. Chân lí về sự tồn tại độc lập chủ quyền của dân tộc Đại Việt
2. *Khẳng định chủ quyền của dân tộc*

* Nền văn hiến lâu đời
* Cương vực lãnh thổ rõ ràng
* Phong tục tập quán riêng
* Lịch sử riêng
* Chế độ riêng
* So sánh, liệt kê, chứng cứ thuyết phục
* Ý thức độc lập, chủ quyền, niềm tự hào dân tộc.

1. *Sức mạnh của chân lí*

Chứng cứ còn ghi:

* Lưu Cung thất bại.
* Triệu Tiết tiêu vong.
* Bắt sống Toa Đô
* Giết tươi Ô Mã
* Liệt kê, dẫn chứng rõ ràng
* Sự thất bại của quân xâm lược phi nhân nghĩa.
* Khẳng định sức mạnh của chính nghĩa.

1. Ghi nhớ/ 69 SGK

**Tuần 27 Tiết 95**

**Tiếng Việt HÀNH ĐỘNG NÓI (tiếp theo)**

1. **Cách thực hiện hành động nói**
2. *Ví dụ/ 70 SGK*

*HS thực hiện yêu cầu 1/trang 70 SGK , điền vào bảng sau*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu**  **Mục đích** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** |
| **Hỏi** |  |  |  |  |  |
| **Trình bày** |  |  |  |  |  |
| **Điều khiển** |  |  |  |  |  |
| **Hứa hẹn** |  |  |  |  |  |
| **Bộc lộ cảm xúc** |  |  |  |  |  |

**Bảng quan hệ giữa các kiểu câu nghi vấn, cầu khiến, cảm thán, trần thuật với kiểu hành động nói:**

**(HS tự thực hiện)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu**  **Mục đích** | **Nghi vấn** | **Cầu khiến** | **Cảm thán** | **Trần thuật** |
| **Hỏi** |  |  |  |  |
| **Trình bày** |  |  |  |  |
| **Điều khiển** |  |  |  |  |
| **Hứa hẹn** |  |  |  |  |
| **Bộc lộ cảm xúc** |  |  |  |  |

1. Ghi nhớ/71 SGK
2. **Luyện tập**

HS hoàn thành bài tập trong SG vào tập bài tập.

Tuần 27 Tiết 96

Tập làm văn  **ÔN TẬP VỀ LUẬN ĐIỂM**

1. **Khái niệm luận điểm**

* Luận điểm là những tư tưởng, quan điểm, chủ trương mà người viết (nói) nêu ra trong bài văn nghị luận.

1. **Mối quan hệ giữa luận điểm với vấn đề cần giải quyết trong bài văn nghị luận**

* Luận điểm cần phải chính xác, rõ ràng, phù hợp với yêu cầu giải quyết vấn đề và đủ để làm sáng tỏ vấn đề được đặt ra.

1. **Mối quan hệ giữa các luận điểm trong bài văn nghị luận**

* Cần có sự phân biệt rõ ràng với nhau.
* Cần có sự liên kết thành hệ thống.
* Cần được sắp xếp theo trình tự hợp lí.

\*Ghi nhớ/ 75 SGK

1. **Luyện tập**

HS hoàn thành bài tập trong SG vào tập bài tập.

**Tuần 27 Tiết 97**

**Tập làm văn VIẾT ĐOẠN VĂN TRÌNH BÀY LUẬN ĐIỂM**

1. **Trình bày luận điểm thành một đoạn văn nghị luận**
2. ***Ví dụ/ 79,80 SGK***
3. Câu chủ đề: “Thật là … muôn đời”

Vị trí: Cuối đoạn -> đoạn văn qui nạp.

Trình tự: Vốn là kinh đô cũ, vị trí trung tâm trời đất, thế đất quí hiếm, dân cư đông đúc muôn vật phong phú tốt tươi, nơi thắng địa, xứng đáng là kinh đô muôn đời.

* Luận cứ toàn diện, đầy đủ, lập luận chặt chẽ, giàu thuyết phục.

1. Câu chủ đề: “Đồng bào ngày nay…ngày trước”.

Vị trí: Đầu đoạn-> đoạn văn diễn dịch.

Trình tự: Theo lứa tuổi, theo không gian vùng, miền, theo vị trí công tác ngành nghề, nhiệm vụ được giao.

* Lập luận toàn diện, khái quát, đầy đủ.

1. Câu chủ đề: “Cho thằng nhà giàu … giai cấp nó ra”.

Vị trí: Cuối đoạn -> đoạn văn qui nạp.

Lập luận tương phản: Đặt chó bên người, quí chó hơn người -> lộ rõ bản chất xấu xa của giai cấp địa chủ.

Nếu sắp xếp ngược lại luận điểm sẽ lỏng lẻo.

Những cụm từ làm cho đoạn văn vừa xoáy vào luận điểm vừa làm cho bản chất của địa chủ lộ rõ.

1. **Ghi nhớ/81 SGK**
2. **Luyện tập**

HS hoàn thành bài tập trong SG vào tập bài tập.

PHẦN 3: ĐỀ LUYỆN TẬP TỔNG HỢP TẠI NHÀ

**ĐỀ 1  
Câu 1 (1.5 điểm)**  
Nêu ý nghĩa truyện ngắn “Lão Hạc” của nhà văn Nam Cao?  
**Câu 2 (1.5 điểm)**  
Tìm các trợ từ trong những câu sau?  
 a. Đích thị nó làm vỡ lọ hoa.  
 b. Anh ta mua những hai cái bát.  
 c. Ngay cả tờ báo nó cũng không đọc.  
**Câu 3 (1 điểm)**  
 Tìm 2 thành ngữ so sánh có dùng biện pháp nói quá.  
**Câu 4 (6 điểm)**  
 Cho câu chủ đề **"Truyện ngắn *Cô bé bán diêm* của nhà văn An-đéc-xen đã thể hiện lòng thương cảm sâu sắc của nhà văn đối với cô bé bất hạnh”** . Hãy viết một đoạn văn ngắn (15-20 dòng) theo kiểu diễn dịch làm rõ câu chủ đề trên, sau đó biến đổi thành đoạn văn quy nạp.

***Gợi ý :***

-Thái độ, tình yêu thương, cảm thông của nhà văn được thể hiện rất rõ nét. Lời văn toát lên đầy xót xa thương cảm. Ông kể về những mộng tưởng với giọng văn thương cảm, xót xa.

-Ngòi bút nhân đạo, chan chứa yêu thương thể hiện rõ khi tác giả kể về cái chết của cô bé.

-Tác giả ngầm thể hiện sự phẫn nộ trước thái độ thờ ơ của mọi người.

**ĐỀ 2**

**Câu 1:** Nêu ý nghĩa truyện ngắn “Chiếc lá cuối cùng” của O Hen-ri(2đ)  
**Câu 2:** Qua văn bản “Lão Hạc” của Nam Cao, em thấy Lão Hạc là người như thế nào?(1đ)  
**Câu 3:** Thế nào là câu ghép? Cho VD minh họa?(1đ)  
**Câu 4:** Viết đoạn văn ngắn từ 5 câu trở lên sử dụng biện pháp tu từ nói quá?(1đ)  
**Câu 5: *Trình bày cảm nhận của em về đoạn văn sau:***

*“Hỡi ơi Lão Hạc! Thì ra đến lúc cùng lão cũng có thể làm liều như ai hết...Một người như thế ấy!...Một người đã khóc vì trót lừa một con chó!...Một người nhịn ăn để tiền lại làm ma, bởi không muốn liên lụy đến hàng xóm, láng giềng...Con người đáng kính ấy bây giờ cũng theo gót Binh Tư để có ăn ư? Cuộc đời quả thật cứ mỗi ngày một thêm đáng buồn...”*

*(Nam Cao, Lão Hạc)*

*Gợi ý*

Đoạn truyện là lời độc thoại nội tâm của nhân vật tôi khi nghe câu nói đầy mỉa mai của Binh Tư về việc Lão Hạc xin bả chó.

+ Lời độc thoại nội tâm là dòng suy nghĩ của nhân vật tôi về tình cảnh, về nhân cách của lão Hạc: lão là người đáng thương, một người nhân hậu, tâm hồn trong sáng, sống cao thượng, giàu lòng tự trọng, yêu thương con sâu nặng.

+ Nhân vật tôi ngạc nhiên, ngỡ ngàng: Con người đáng thương, đáng kính, đáng trọng, đáng thông cảm như lão Hạc mà cũng bị tha hóa, thay đổi cách sống.

+ Nhân vật tôi buồn, thất vọng vì như vậy là bản năng con người đã chiến thắng nhân tính, lòng tự trọng không giữ được chân con người trước bờ vực của sự tha hóa.

+ Một loạt câu cảm thán và dấu chấm lửng trong đoạn văn góp phần bộc lộ dòng cảm xúc dâng trào, nghẹn ngào của nhân vật tôi thương cho cuộc đời lão Hạc, buồn cho số kiếp con người trong xã hội xưa.

Tâm trạng và suy nghĩ của ông giáo trong đoạn truyện chan chứa một tình thương và lòng nhân ái sâu sắc nhưng âm thầm giọng điệu buồn và thoáng bi quan.

**ĐỀ 3**   
**Câu 1:** Em hãy cho biết hậu quả của việc gia tăng dân số một cách nhanh chóng như hiện nay?(1đ)  
**Câu 2:** Em hãy nêu ra nét tương phản giữa hai nhân vật Đôn Ki- hô- tê và Xan- chô Pan- xa trong văn bản “Đánh nhau với cối xay gió”của nhà văn Xéc- van- tét.(1đ )  
**Câu 3:** Nêu công dụng của dấu ngoặc đơn. ( 1đ)  
**Câu 4:** Lấy một ví dụ và chỉ ra công dụng của dấu ngoặc đơn .(1đ)  
**Câu 5:** Cho câu chủ đề **"Đoạn trích *Trong lòng mẹ* của nhà văn Nguyên Hồng đã thể hiện tình yêu thương mãnh liệt của bé Hồng đối với mẹ của mình".** Hãy viết một đoạn văn diễn dịch làm rõ câu chủ đề trên, sau đó biến đổi đoạn văn dd thành đoạn văn quy nạp..(6đ)

**Gợi ý**

Đoạn trích *Trong lòng mẹ*của nhà văn **Nguyên Hồng** đã thể hiện tình yêu thương mãnh liệt của bé Hồng đối với mẹ của mình. Khi nghe bà cô hỏi "Hồng! Mày có muốn vào Thanh Hoá chơi với mẹ mày không?" Hồng đã toan đáp “có”, nhưng rồi lại cúi đầu không đáp vì bé biết rõ, nhắc đến mẹ, bà cô chỉ có ý gieo rắc vào đầu bé những hoài nghi để bé khinh miệt và ruồng rẫy mẹ. Nhưng đời nào tình thương yêu mẹ của Hồng lại bị những rắp tâm tanh bẩn của bà cô xâm phạm. Hồng càng yêu thương mẹ bao nhiêu thì bé càng căm ghét những hủ tục phong kiến đã đày đoạ mẹ bấy nhiêu. Hình ảnh mẹ in đậm trong lòng bé, bé khát khao được gặp mẹ đến cháy bỏng. Khi được mẹ ôm trong lòng, bé bồng bềnh trong cảm giác sung sướng, quên hết những lời lẽ cay độc của bà cô.

**ĐỀ 4**

**Câu 1:** (1đ) Phân tích thành phần chính (C-V) của các câu sau:  
a. Lòng tôi càng thắt lại, khoé mắt tôi đã cay cay.  
b. Lão chửi yêu nó và lão nói với nó như nói với một đứa cháu.  
**Câu 2** : (3đ) : Vì sao chiếc lá cụ Bơ men vẽ được xem là một kiệt tác ?  
**Câu 3** : (6đ) :Viết đoạn văn 15-20 dòng làm rõ câu chủ đề "**Nhân vật lão Hạc trong truyện ngắn cùng tên của nhà văn Nam Cao rất giàu lòng tự trọng "** có sử dụng một tình thái từ, nêu rõ đoạn văn được trình bày theo cách nào**?**

**Gợi ý**

Nhân vật lão Hạc trong truyện ngắn cùng tên của nhà văn Nam Cao rất giàu lòng tự trọng. Dù sống nghèo khổ, túng quẫn lão vẫn giữ lòng tự trọng. Lão nghèo nhưng không hèn, không vì miếng ăn mà quỵ luỵ hoặc làm liều. Thậm chí chỉ đoán vợ ông giáo có ý phàn nàn về sự giúp đỡ của ông giáo đối với mình, lão đã lảng tránh ông giáo. Lão tự trọng đến mức không muốn sau khi mình chết còn bị người ta khinh rẻ. Chẳng còn gì ăn để sống nhưng lão quyết không dụng tới số tiền dành dụm, và đem gửi ông giáo để nếu chết thì ông lo ma chay giúp. Thật là một con người giàu lòng tự trọng. Một nhân cách cao thượng làm sao....

**ĐỀ 5**

**Câu 1:** Tóm tắt truyện ngắn “Lão Hạc” của Nam Cao trong khoảng 5- 10 dòng (2đ)  
**Câu 2:** Tìm biện pháp nghệ thuật nói quá trong hai câu thơ sau và cho biết tác dụng của nó (2đ)  
 *“Bủa tay ôm chặt bồ kinh tế  
 Mở miệng cười tan cuộc oán thù”* (Phan Bội Châu)  
**Câu 3** Đoạn trích *Tức nước vỡ bờ* và truyện ngắn *Lão Hạc* giúp em hiểu gì về số phận và phẩm chất của người nông dân trước Cách mạng tháng Tám? Trình bày theo cách diễn dịch trong đó có sử dụng 1 tình thái từ, 1trợ từ, 1 thán từ, 1 trường từ vựng **.**

Gợi ý

Đoạn trích ***Tức nước vỡ bờ*** của Ngô Tất Tố và truyện ngắn ***Lão Hạc*** của Nam Cao giúp em hiểu thêm về số phận và phẩm chất của người nông dân trước Cách mạng tháng Tám. Cả hai nhân vật chính trong hai tác phẩm đều là những người nông dân nghèo khổ, túng quẫn, bi thương. Chị Dậu thì bị bọn tay sai quát thét doạ nạt, đánh đấm bắt phải nộp những thứ thuế vô lí. Lão Hạc thì phải bán đi con chó - kỉ vật của con trai để lại - rồi tự tử để bảo toàn gia sản cho con. Mặc dù hoàn cảnh là vậy nhưng trong họ luôn có những phẩm chất tốt đẹp, tấm lòng cao cả, đôn hậu, sự nhẫn nhục. Chao ôi! Xã hội phong kiến nửa thực dân tàn nhẫn biết bao! Chính xã hội đó đã dồn người nông dân vào con đường cùng.

**YÊU CẦU:**

* **Phần 1**: HS tự ôn lại kiến thức cũ.
* **Phần 2**: HS đọc bài trong sgk và ghi bài học vào tập; bài tập nào chưa giải được thì vào học gv sẽ hướng dẫn. Nếu chưa hiểu thì cũng yên tâm, vào học gv sẽ giảng lại.
* **Phần 3**: các em làm phần này vào vở bài tập.

\* DO THỜI GIAN NGHỈ KHÁ DÀI NÊN DUNG LƯỢNG CHÉP BÀI CŨNG NHIỀU. HY VỌNG TẤT CẢ CÁC EM CÙNG CỐ GẮNG!

CHÚC CÁC EM VÀ GIA ĐÌNH AN TOÀN TRONG MÙA DỊCH VÀ KHÔNG QUÊN NHIỆM VỤ ÔN TẬP THẬT TỐT!

Mọi thắc mắc Phụ huynh và học sinh có thể liên hệ cô Thương qua Zalo SĐT:0909661709 hoặc giáo viên bộ môn Văn của lớp.